

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 5)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách  
nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 5); báo cáo thẩm tra của Ban  
Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại  
kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh  
giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 5), cụ thể:

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn  
2021-2025, như sau:

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 150.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết vượt thu năm 2023 là 115.200 triệu đồng, bố  
trí cho 06 dự án.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh  
giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

+ Điều chỉnh giảm 10.000 triệu đồng của 01 dự án.

+ Điều chỉnh tăng 10.000 triệu đồng, bố trí cho “Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Trà Vinh”.

- Nguồn vốn sử dụng đất

+ Điều chỉnh giảm 161.100 triệu đồng của “Trích lập Quỹ phát triển đất”.

+ Điều chỉnh, bổ sung 494.100 triệu đồng (bao gồm tăng thêm 333 tỷ đồng so với kế hoạch trung hạn được duyệt) bố trí cho “Chi nguồn vốn sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa”.

(Đính kèm theo Phụ lục I, II)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2024./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, TP, KBNN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**





**Phụ lục I**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>950.445</b>	<b>950.445</b>	<b>265.200</b>	
<b>I</b>	<b>NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>					<b>780.000</b>	<b>780.000</b>	<b>150.000</b>	
	Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP					780.000	780.000	150.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>					<i>780.000</i>	<i>780.000</i>	<i>150.000</i>	
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</i>					<i>780.000</i>	<i>780.000</i>	<i>150.000</i>	
	Trung tâm chính trị - Hành chính thành phố Trà Vinh	Châu Thành	cấp III	2024-2027	62/QĐ-UBND 17/01/2024	780.000	780.000	150.000	
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT VƯỢT THU NĂM 2023</b>					<b>170.445</b>	<b>170.445</b>	<b>115.200</b>	

KW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>					<b>170.445</b>	<b>170.445</b>	<b>115.200</b>	
	<b>Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP</b>					<b>170.445</b>	<b>170.445</b>	<b>115.200</b>	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>					<i>170.445</i>	<i>170.445</i>	<i>115.200</i>	
a)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</b>					<b>80.945</b>	<b>80.945</b>	<b>72.200</b>	
1	Nạo vét Cảng cá Định An, thị trấn Định An, huyện Trà Cú	Trà Cú	BT GPMB và nạo vét chiều dài 640m	2023-2025	1928/QĐ-UBND 15/12/2023	25.000	25.000	22.000	
2	Xây dựng Hệ thống quản lý, khai thác, giám sát quy hoạch, kế hoạch tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	CNTT	2024-2025	42/QĐ-UBND 12/01/2024	3.955	3.955	3.600	
3	Đầu tư lắp đặt hệ thống cổng chào, đèn trang trí tại Trung tâm thành phố Trà Vinh	Càng Long và TPTV	Hệ thống chiếu sáng	2024-2025	41/QĐ-UBND 12/01/2024	44.990	44.990	40.000	

KW



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Mua sắm thiết bị phát sóng kênh Truyền hình Trà Vinh 2	Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh	TTB	2024-2025	1924/QĐ-UBND 15/12/2023	7.000	7.000	6.600	
b)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</b>					<b>89.500</b>	<b>89.500</b>	<b>43.000</b>	
1	Đầu tư xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	cấp III	2024-2026	1872/QĐ-UBND 07/12/2023	29.500	29.500	9.000	
2	Đầu tư Khu tái định cư các công trình dự án trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Hạ tầng kỹ thuật	2024-2026	65/QĐ-UBND 18/01/2024	60.000	60.000	34.000	

KW



Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú		
					Số, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT				Giảm	Tăng	Lý do điều chỉnh giảm, tăng
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>					842.264	374.264	804.120	1.137.120	171.100	504.100	
A	<b>NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>					58.000	58.000	53.000	53.000	10.000	10.000	
	<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>					58.000	58.000	53.000	53.000	10.000	10.000	
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>					58.000	58.000	53.000	53.000	10.000	10.000	
1)	<b>Văn hóa, thông tin</b>					58.000	58.000	53.000	43.000	10.000	-	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>					58.000	58.000	53.000	43.000	10.000	-	
	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</b>					58.000	58.000	53.000	43.000	10.000	-	
	Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử cấp Quốc gia và cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Tu bổ, tôn tạo	2024-2027	2412/QĐ-UBND 26/10/2021	58.000	58.000	53.000	43.000	10.000		Giảm kế hoạch vốn để phù hợp với thời gian thực tế triển khai dự án và giãn tiến độ hoàn thành sau năm 2025

KV



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú		
					Số, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT				Giảm	Tăng	Lý do điều chỉnh giảm, tăng
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2)	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã					-	-	-	10.000	-	10.000	
	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh			2133/QĐ-UBND 26/11/2015				10.000		10.000	Cấp vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN SỬ DỤNG ĐẤT</b>					784.264	316.264	751.120	1.084.120	161.100	494.100	
<b>I</b>	<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>					784.264	316.264	39.750	201.950	15.000	177.200	
1)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa					784.264	316.264	-	177.200	-	177.200	
	<i>Các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>					784.264	316.264	-	177.200	-	177.200	
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</i>					784.264	316.264	-	177.200	-	177.200	
1	Kè sông Long Bình, thành phố Trà Vinh (đoạn còn lại)	TPTV	cấp IV	2024-2027	1791/QĐ-UBND 22/11/2023	620.000	152.000		117.200		117.200	Đổi ứng vốn NSTW

KV

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú		
					Số, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT				Giảm	Tăng	Lý do điều chỉnh giảm, tăng
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Đường huyện 30 xã Long Hòa, Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Cấp VI ĐB	2024-2027	2048/QĐ-UBND 29/12/2023	164.264	164.264		60.000		60.000	Xuống cấp nghiêm trọng, bức xúc triển khai phục vụ vận chuyển hàng hóa khu vực cù lao đến các Bến phà
2)	<b>Trích lập Quỹ phát triển đất</b>							<b>39.750</b>	<b>24.750</b>	<b>15.000</b>		
II	<b>VỐN GIAO CẤP HUYỆN THU ĐỀ CHI THEO QUY ĐỊNH</b>							<b>711.370</b>	<b>882.170</b>	<b>146.100</b>	<b>316.900</b>	
1)	<b>Chi nguồn vốn sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa</b>							<b>490.480</b>	<b>807.380</b>	<b>-</b>	<b>316.900</b>	
1	Huyện Càng Long							29.500	43.300		13.800	
2	Huyện Cầu Kè							16.500	31.900		15.400	
3	Huyện Cầu Ngang							17.700	29.100		11.400	
4	Huyện Châu Thành							66.150	152.500		86.350	
5	Huyện Duyên Hải							4.080	8.980		4.900	
6	Huyện Tiểu Cần							22.200	43.400		21.200	
7	Huyện Trà Cú							16.350	33.600		17.250	
8	Thị xã Duyên Hải							39.000	53.600		14.600	
9	Thành phố Trà Vinh							279.000	411.000		132.000	
2)	<b>Trích lập Quỹ phát triển đất</b>							<b>220.890</b>	<b>74.790</b>	<b>146.100</b>	<b>-</b>	
1	Huyện Càng Long							13.200	3.900	9.300		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú			
					Số, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm	Tăng	Lý do điều chỉnh giảm, tăng	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: NST
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Huyện Cầu Kè							7.350	1.950	5.400		
3	Huyện Cầu Ngang							7.950	2.550	5.400		
4	Huyện Châu Thành							29.850	10.500	19.350		
5	Huyện Duyên Hải							1.890	990	900		
6	Huyện Tiểu Cần							9.900	2.700	7.200		
7	Huyện Trà Cú							7.350	2.400	4.950		
8	Thị xã Duyên Hải							17.400	4.800	12.600		
9	Thành phố Trà Vinh							126.000	45.000	81.000		

KW